

Đức Chúa Trời & Darwin

Bất Tiêu Nguyễn Quốc Bảo

Tôi được chịu phép rửa tội Cơ Đốc giáo lúc mới sinh, theo đạo dòng như ta thường nói; tuy nhiên gia phả nhà tôi không nói tổ tiên theo đạo Kitô từ đời nào. Lớn lên có đi học chủng viện một năm, khu tư kháng chiến không có trường trung học thưở ấy. Sau đó cư trú ở Cư xá Đắc Lộ và đi theo học hỏi thần học với mấy linh mục dòng tên bên Pháp. Bây giờ đôi khi tôi đọc sách Phật lý, đôi khi thấy hợp với suy nghĩ của Á Đông mình. Phật Thích ca không dạy rõ ràng; nhưng Phật giáo không công nhận có tạo hoá và phủ nhận có linh hồn. Chết theo vòng luân hồi đem cái *kiếp* hay *thức* đi đầu thai. Áp dụng cái thức vào súc vật để đi đầu thai, có đôi điều khó hiểu. Nên phải nói thật, vô hình chung kiếp hay thức đây cũng chỉ là cái cái nghiệp. Ở đây không luận về Phật lý chỉ nêu lên Phật học không tin có linh hồn vĩnh cửu, tuy Ấn độ giáo và Bà la Môn giáo, tin tưởng vào linh hồn. Đề tài này sẽ được đề cập vào một dịp khác.

Trong cựu ước, Kitô giáo khát khe, dọa nạt, *Dieu la Terreur, Dieu le Terrible*. Lúc xưa các cố ngoại hay cha sở đều áp dụng phương cách dọa này với giáo chúng, và khẳng định:

Vì ai sinh ra cũng có tội tông truyền, nên Tân ước có phép rửa tội, Chúa Ki Tô chịu chết để cứu rỗi và Chúa là Tình yêu. Nhưng *ai không theo ta là chống lại ta*, có nghĩa độc tôn độc thần *exclusive*, khi có điều răn, ai không rửa tội đều phải xuống hỏa ngục. Rửa tội là một *tín điều* Kitô giáo trong kinh Tin kính. Hỏa ngục có trong giáo lý hội thánh Là Mã. Tôi không tin có hỏa ngục vì Chúa là tình yêu thì Chúa không thể tạo dựng một nơi mà các linh hồn phạm tội bị lửa đốt cháy và chìm trong dầu sôi sùng sục. Inferno¹ của Dante là một áng thơ đưa ông ta vào chốn đọa đày. Kitô giáo nói ai sinh ra cũng có tội tông truyền. Phật Thích ca, ai sinh ra cũng có chữ khổ. Đây là cái nghiệp. Kinh Tin kính² ghi rõ: *Confiteor unum baptisma in remissionem peccatorum* - Tôi tuyên xưng có một Phép Rửa để tha tội.

Tôi nghĩ, trên phương diện tinh thần, không có Địa ngục hay hỏa ngục. Nay có 2.38 tỷ dân số có phép rửa Kitô, *optimistically* thì nói 2/3 ngoan đạo được lên thiên đàng, còn lại 0.8 tỷ cộng với 5.4 tỷ không hề rửa tội đó, là 6.2 tỷ *grosso modo*, dân số toàn cầu là 7.8 tỷ, phải xuống địa ngục,

1 Inferno địa ngục là phần đầu tiên của sử thi Divine Comedy thế kỷ 14 của nhà văn Ý Dante Alighieri. Tiếp theo là Purgatorio và Paradiso. The Inferno mô tả cuộc hành trình của Dante qua Địa ngục, được hướng dẫn bởi nhà thơ La Mã cổ đại Virgil. Trong bài thơ, Địa ngục được mô tả như chín vòng tròn đồng tâm của sự đau khổ nằm trong Trái đất; nó là vương quốc ... của những người đã khước từ các giá trị tinh thần bằng cách phục tùng ham muốn hoặc bạo lực của con người, hoặc bằng cách đánh lừa trí tuệ con người của họ để lừa đảo hoặc ác ý chống lại đồng loại của họ [https://en.wikipedia.org/wiki/Inferno_\(Dante\)](https://en.wikipedia.org/wiki/Inferno_(Dante))

2 Xin xem Phụ Chú

vì không rửa tội hoặc không biết không tin vào sự phục sinh của Chúa Giê Su Ky Tô. HiIs it possible? Đức chúa Kitô vô lượng nhân từ và là tình yêu, có thể nở nào để hơn 6 tỷ linh hồn xuống địa ngục, chỗ đâu mà chứa?

Lại nữa đó là ngày hôm nay, không kể đến những người đã chết từ lúc tạo thiên lập địa, nhất là từ năm 0 kể về trước. *Homo erectus, an extinct species of human lived between 1.9 million and 135,000 years ago!* Homo erectus, một loài người đã tuyệt chủng sống từ 1,9 triệu đến 135.000 năm trước đây, những linh hồn này có biết Chúa hay không?

Cách đây 5 năm, Các nhà khoa học làm việc ở Nam Phi đưa ra một thông báo: Họ đã phát hiện ra một loài tổ tiên loài người mới. Loài mà họ đặt tên là *Homo naledi*, có thể nằm trong số đầu tiên của chi *Homo*, mà nhà cổ sinh vật học Lee Berger, đã mô tả như một cầu nối giữa các loài nguyên thủy hơn và con người. National Geographic gọi nó là *một trong những khám phá hóa thạch vĩ đại nhất trong nửa thế kỷ qua.*

Việc phát hiện ra tổ tiên loài người tương đối tiên tiến cũng đặt ra những câu hỏi thần học, đặc biệt đối với những người theo đạo Cơ đốc, tin rằng *một người phải tin vào sự phục sinh của Chúa Giê Su Ky Tô thì mới có thể nhận được sự sống vĩnh cửu trên Thiên Đàng.* Nghe có vẻ ngô nghê khi áp dụng tiêu chuẩn đó cho các loài nguyên thủy sống cách đây hàng triệu năm, dạng giữa động vật và con người, nhưng đó là một câu hỏi quan trọng nếu ai tin vào linh hồn vĩnh cửu.

Thần học phải trả lời cho câu hỏi cơ bản trên. Vấn đề rộng lớn hơn, là điều gì xảy ra với linh hồn của bất kỳ ai sinh ra trước Chúa Giê-xu. Chắc chắn là Môi-se và Áp-ra-ham, chẳng hạn, đã lên được Thiên đàng. Nhưng bằng cách nào? Theo nhiều nhà thần học, câu trả lời ngắn gọn là họ tin tưởng vào lời hứa của Đức Chúa Trời về *sự xuất hiện của một vị cứu tinh.* Họ sẽ không biết những chi tiết cụ thể về Chúa Giê-xu Ki tô ở Na-xa-rét, nhưng họ có thể có một niềm tin chung rằng *một Đấng Mê-si đang trên đường.*

Một câu hỏi khác liên quan là điều gì sẽ xảy ra với những người hiện đại, *disons après nos ancêtres Homo*, những người chưa bao giờ có cơ hội nghe thông điệp của Chúa GiêSu KyTô. Một lần nữa, hầu hết các nhà thần học Cơ đốc giáo *cho phép sự cứu rỗi trên cơ sở một kiểu hướng về Đức Chúa Trời.* Đây là một câu trả lời hơi xa xôi và là cách Công đồng Vatican II của Giáo hội Công giáo *giải quyết vấn đề* vào năm 1964.

Những người này cũng có thể đạt được sự cứu rỗi, những người không hề do lỗi của họ mà không biết Phúc Âm của Đấng Ki tô hoặc Giáo hội của Ngài, nhưng chân thành tìm kiếm Đức Chúa Trời và được ân sủng thúc đẩy, cố gắng bằng hành động của họ để làm theo ý muốn của Ngài như họ đã biết qua các mệnh lệnh của lương tâm. Một câu trả lời theo kiểu *if and when.*

Không được. Thế những người chân thành đi tìm Thượng đế, không hẳn là Đức chúa trời, thì làm sao mà họ có thể biết được, trong khi chưa có hiện thể của Ngài? ... chưa bao giờ có cơ hội nghe thông điệp của Chúa Giê Su Ky Tô ... Tôi nghĩ đây là một bí tắc của thần học Cơ đốc. *Đức tin nơi chôn thiêng liêng đến với nhân loại rất sớm kể cả những homo nguyên thủy khi tụ họp sống chung, mà chúng ta ngày nay gọi là sống trong xã hội.* Lúc xưa xưa tất cả tổ tiên ta suất phát từ Phi châu sống chung trong lạc bộ đã trải qua những giai đoạn tìm tòi, bắt đầu có lương tâm và chân thành hướng về một Đấng siêu nhiên; ăn ở đúng theo lương tâm, tức là làm chuyện

lành, và có thể đã nhân hóa đức tin của mình. Những vị này không được cứu rỗi theo nhận định của Vatican. Và ân sủng thúc đẩy là gì? Mệnh lệnh lương tâm là gì? Đức chúa trời phán quyết Ngài tạo dựng *người* với tự do chọn lựa và quyết định. Nên phải hiểu ở đây *ân sủng* và *mệnh lệnh lương tâm* không chỉ thuộc về một đức tin mà thôi.

Đức chúa trời và thuyết tiến hóa của Darwin *không có những đi lại dễ dàng*. Giáo hội Công giáo chỉ dạy về sự *tiến hóa hữu thần*, một lập trường chấp nhận sự tiến hóa như một lý thuyết khoa học và không thể nào hiểu tại sao Đức Chúa Trời không thể không sử dụng *một quá trình tiến hóa tự nhiên để hình thành loài người*. Điểm này có ngược với giáo điều sách Sáng Thế Ký 1-27? Có ngược với luận thuyết tạo sinh Adong tổ tiên nhân loại?

Khi homo hay sau homo mà chưa được khai hoá, thì không thể có *sự cứu rỗi trên cơ sở một kiểu hướng về Đức Chúa Trời*. Sau khi khai hóa có lương tâm thì là chuyện khác, nhưng cũng không thể bắt buộc nhất thiết phải có *nhân chi sơ tính bản thiện*. Quan niệm này chỉ có thể hiện hữu trong một xã hội trong đó có luật lệ phần lớn dựa trên lương tâm.

Gần đây, Vatican cho biết thuyết tiến hóa *tương thích* compatible với Kinh thánh nhưng không có kế hoạch xin lỗi hậu thế đối với Charles Darwin vì sự tiếp đón lạnh nhạt mà giáo hội đã dành cho ông hơn *150 năm trước*. Đức Tổng Giám mục Gianfranco Ravasi, Bộ trưởng Văn hóa của Vatican, đã phát biểu tại buổi công bố Kỷ niệm 150 năm ngày xuất bản cuốn “Nguồn gốc của các loài” của Darwin. Vậy tương tích *compatible* là gì? Toà thánh không công bố chi tiết.



giáo.

Ngoài quan niệm tiến hóa hữu thần *Theist evolution*, Vatican ù lý phát biểu: Thuyết sáng tạo là niềm tin rằng Chúa đã tạo ra thế giới trong sáu ngày như được mô tả trong Kinh thánh. Giáo hội Công giáo không đọc tường thuật Sáng thế ký về sự *sáng tạo theo nghĩa đen*, nói rằng đó là một câu chuyện ngụ ngôn về cách Chúa tạo ra thế giới. *Non absolutement non, la foi est une rigueur spirituelle et intellectuelle*; đức tin là sự *chặt chẽ* của tinh thần và trí tuệ, không thể dựa trên ngụ ngôn, sách Sáng Thế Ký chứa những tín điều *dogmes* cơ bản của Cơ đốc

Phái sáng tạo Trái đất *cretionlists*, bảo thủ, những người phủ nhận thuyết tiến hóa và cho rằng Chúa đã tạo ra vũ trụ trong khoảng thời gian sáu ngày *không quá 10.000 năm trước*, không được thoải mái với mớ lẫn lộn *ambiguity*. Đối với họ, vấn đề cấp bách nhất mỗi khi các nhà khoa học phát hiện ra một *loài vượn người mới* là liệu loài đó là vượn hay người. Trước đây là động vật đơn thuần; sau này thì có một linh hồn vĩnh cửu! Ví dụ, tổ chức *Answers in Genesis*, điều hành Bảo tàng Sáng tạo ở Kentucky, gọi người Neanderthal là *con người hoàn toàn*, trong khi “Lucy” 3 triệu tuổi thì lại rõ ràng là một con vượn. *Reasons to Believe*, một nhóm sáng tạo khác, phân loại người Neanderthal, Homo erectus và những người khác là động vật. Một số những người khác suy đoán rằng người Neanderthal là những người đã chết trong trận lụt kinh hoàng được mô tả trong câu chuyện Kinh thánh về chiếc thuyền của Nô Ê Noah!

Cũng không được. Sách sáng thế ký the *book of genesis*, kể chuyện Đức chúa trời lập trời và đất nhưng không cho một mẫu *benchmark* để hiểu là khi đó vào lúc nào. *Ban đầu, Đức Chúa Trời tạo ra trời và đất. Bây giờ trái đất là một khoảng không vô hình, có bóng tối bao phủ sâu thẳm, với một cơn gió thần thánh quét qua mặt nước. C'était quand le ban đầu? Bây giờ là lúc nào? Sao lại giả thuyết là 10.000 năm cho sự tiến hoá của nhân loại?*

Trước ngày thứ sáu trong sách sáng thế ký 1:26-1:27, *Đức Chúa Trời phán: Chúng ta hãy tạo dựng con người theo hình ảnh của chúng ta, giống như chính chúng ta, và hãy để họ làm chủ cá biển, chim trời, gia súc, tất cả các loài thú hoang dã và tất cả các sinh vật bò (creep) theo mặt đất. Đức chúa trời tạo ra con người theo hình ảnh của chính mình, theo hình ảnh của Đức chúa trời, ngài đã tạo ra con người, nam và nữ do ngài tạo ra. Theo hình ảnh của Đức chúa trời, tức imago Dei, ở đây nghĩa là gì? Đây là một câu hỏi khúc mắc khác.*

Thần học có nhiều câu trả lời.

Imago Dei? Đó là cách viết tắt Latinh của thần học để chỉ hình ảnh của Đức Chúa Trời, giáo lý cốt lõi của Cơ đốc giáo nói rằng nhân loại, duy nhất trong toàn bộ trật tự được tạo dựng, được Đức Chúa Trời tạo dựng theo hình ảnh của chính Ngài và giống chính Ngài, *his own likenesses*. Đó là dạy dỗ vang vọng khắp Cựu ước và được ghi lại trong chương mở đầu của sách Sáng thế ký (1-1 – 1.26). Ngày hôm nay giáo hội chấp nhận thuyết tiến hóa của Darwin tương ứng với thánh kinh. Thế thì giáo hội có công nhận những tổ tiên homo nguyên thủy cũng được ĐCT tạo dựng giống hình ảnh của ngài? Và có cần tiến hoá hữu thần không?

Thần học nói tiếp. Đây là điều *Imago Dei* đã bật mí, bởi vì theo nhiều cách cơ bản nhất, Chúa không giống chúng ta. Ngài là linh hồn không có thân thể vật chất, luôn luôn tồn tại, toàn năng, toàn quyền, *vượt qua sự sáng tạo của Ngài*, đồng thời hiện diện ở mọi nơi và mọi lúc. Rõ ràng là chúng ta không được tạo ra theo hình ảnh của Đức Chúa Trời theo bất kỳ góc độ nào. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời đã khiến chúng ta trở nên giống Ngài theo một số cách quan trọng, để chúng ta có thể *phản ánh và đại diện* cho Ngài trong *trật tự được tạo dựng* của Ngài: quyền lực, giá trị, giới tính, tư cách con người, tinh thần, sự sáng tạo, tình yêu, ... Tôi không thỏa mãn với cái nghĩa này.

Phân đoạn Kinh thánh này không có nghĩa rằng Đức Chúa Trời ở trong hình dạng con người, mà đúng hơn, *con người ở trong hình ảnh của Đức Chúa Trời trong bản chất đạo đức, tâm linh và trí tuệ của họ*. Do đó, con người phản ánh thần tính của Đức Chúa Trời trong khả năng hiện thực hóa những phẩm chất độc đáo mà họ được ban tặng, và những điều khiến họ khác biệt so với tất cả các sinh vật khác: cấu trúc hợp lý, hoàn toàn tập trung, tự do sáng tạo, tự khả năng.

Một trả lời dài của Vatican: Thuật ngữ *Imago Dei* đề cập đến hai điều cơ bản nhất: thứ nhất, *sự tự hiện thực hóa của chính Thiên Chúa thông qua loài người*; và thứ hai, *sự quan tâm của Đức Chúa Trời đối với loài người*. Nói rằng con người giống hình ảnh của Đức Chúa Trời là nhận ra những phẩm chất đặc biệt của bản chất con người mà *cho phép (sic) Đức Chúa Trời được thể hiện trong con người*. Nói cách khác, để con người có thể nhận biết một cách có ý thức về bản thể của họ theo hình ảnh của Đức Chúa Trời có nghĩa là họ là tạo vật mà các kế hoạch và mục đích của Đức Chúa Trời có thể được biết đến và hiện thực hóa. Theo cách này, con người có thể được coi là *người đồng sáng tạo với Chúa*. Ý nghĩa đạo đức của học thuyết *Imago Dei* rõ ràng, là

nếu con người yêu Chúa, thì con người phải yêu con người khác, vì mỗi người là một biểu hiện của Chúa. Sự giống nhau của con người đối với Đức Chúa Trời cũng có thể được hiểu bằng cách đối chiếu nó với những gì không hình ảnh Đức Chúa Trời, đối chiếu sự *tương đồng* với Đức Chúa Trời, tức là những *sinh vật*, theo như chúng ta biết, không có sự *tự ý thức* và *tự khả năng* phản ánh và phát triển tâm linh / đạo đức. Con người khác với tất cả các sinh vật khác vì cấu trúc hợp lý của họ - khả năng cân nhắc và tự do quyết định của họ. Imago Dei chỉ vào các mô tả về Chúa trong nghệ thuật thời Trung cổ và Phục hưng, chẳng hạn như Tác phẩm Chúa tạo ra Adam của Michelangelo trên trần nhà nguyện Sistine. Michelangelo đã *nhân hoá* Đức Chúa Trời. Trả lời này *kiểu* Dòng Tên có nghĩa hơn, dựa trên tương đồng của Người và Đức Chúa Trời, nói không sợ lộng ngôn, rằng trên thực tế, đó là những *Cơ đốc nhân đã tạo ra Đức Chúa Trời theo hình ảnh của chính họ*, đừng hiểu đây là một giải nghĩa táo bạo. Nhưng *well*, vẫn thắc mắc. Đức Chúa Trời là thần khí tuyệt đối, vô khởi vô chung, hình ảnh Đức Chúa Trời là *ảo tượng* của sách Sáng Thế Ký chăng?

Giáo hoàng Pius XII, một người bảo thủ sâu sắc, đã trực tiếp đề cập đến vấn đề tiến hóa trong một thông điệp năm 1950, *Humani Generis*: Cơ quan Giảng dạy của Giáo hội không cấm, phù hợp với tình trạng hiện tại của khoa học nhân văn và thần học thiêng liêng, việc nghiên cứu và thảo luận, về phần kinh nghiệm của con người trong cả hai lĩnh vực, liên quan đến học thuyết tiến hóa, như trong chừng mực nó hỏi về nguồn gốc của cơ thể con người là đến từ tiền-tồn-tại và sinh vật — *vì đức tin Công giáo buộc chúng ta phải hiểu rằng linh hồn được tạo ra ngay lập tức bởi Chúa*. Một trả lời không tiến xa hơn, chấp nhận một điều kiện khó xử. Đức Giáo hoàng có thể sống chung với sự tiến hóa, miễn là quá trình “linh hồn hoá” con người được phó mặc cho Thiên Chúa.

Đầu thế kỷ thứ 17 Galileo *vô dịch hoá* thuyết nhật tâm Copernic *Copernican heliocentrism* (Trái đất quay hàng ngày và quay quanh mặt trời) đã vấp phải sự phản đối từ bên trong Giáo hội Công giáo và một số nhà thiên văn học. Vấn đề đã được điều tra bởi Tòa án thẩm tẩn *inquisition* La Mã vào năm 1615, kết luận rằng thuyết nhật tâm là ngu xuẩn, vô lý và *dị giáo heretical*, vì nó mâu thuẫn với Kinh thánh. Vào tháng 4 năm 1993, Giáo hoàng Gioan Phaolô chính thức tuyên bố trắng án cho Galileo, 360 năm sau khi bị cáo buộc tội dị giáo, vì ủng hộ dị giáo cho thuyết nhật tâm của Copernicus. Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã xem xét lại câu hỏi về sự tiến hóa trong một thông điệp năm 1996 gửi cho Học viện Khoa học Giáo hoàng.

Không giống như Đức Piô XII, Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô bắt đầu tuyên bố với hy vọng rằng *tất cả chúng ta sẽ có thể thu lợi từ kết quả của một cuộc đối thoại đáng tin cậy giữa Giáo hội và Khoa học*. Ngài nói, *sự tiến hóa là một chủ đề thiết yếu mà Giáo hội quan tâm sâu sắc*. Ngài công nhận rằng khoa học và Kinh thánh đôi khi có *mâu thuẫn bên ngoài apparent contradictions*, nhưng vào trường hợp tiến hoá, phải tìm ra *giải pháp* vì *lẽ thật không thể mâu thuẫn với sự thật*. Đức Giáo hoàng chỉ ra rằng Giáo hội hiện *coming into terms*, với những khám phá của Galileo, liên quan đến bản chất của hệ mặt trời như một ví dụ về khoa học có thể truyền cảm hứng cho Giáo hội tìm kiếm cách giải thích mới và chính xác về từ được soi dẫn *correct interpretation of the inspired word*, giải thích chính xác của từ được truyền cảm hứng.

Khi giáo hoàng đề cập đến chủ đề về giá trị khoa học của sự tiến hóa, người ta sớm thấy rõ mọi thứ đã thay đổi nhiều như thế nào trong gần năm mươi năm kể từ lần cuối cùng Vatican giải quyết vấn đề này. Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô nói: Ngày nay, gần nửa thế kỷ sau khi xuất bản

thông điệp *Humani Generis*, những kiến thức mới đã dẫn đến việc *công nhận thuyết tiến hóa không chỉ là một giả thuyết*. Thực sự đáng chú ý là lý thuyết này đã được các nhà nghiên cứu dần dần chấp nhận, sau một loạt các khám phá trong các lĩnh vực kiến thức khác nhau. Sự hội tụ, không tìm kiếm cũng không bị đặt, của các kết quả của công việc được tiến hành một cách độc lập, *tự nó đã là một lập luận quan trọng ủng hộ lý thuyết*.

Sự tiến hóa, một học thuyết mà Đức Piô XII chỉ thừa nhận là một khả năng không may mắn *unfortunate possibility*, Đức Gioan Phaolô đã chấp nhận bốn mươi sáu năm sau như một *sự thật đã được chứng minh một cách hữu hiệu*.

Tất nhiên, các nhà sáng tạo bày tỏ sự thất vọng trước những lời của Giáo hoàng và cho rằng các bản tin có thể dựa trên một bản dịch bị lỗi. (Đức Gioan Phaolô có bài phát biểu bằng tiếng Pháp.) Có lẽ, một số nhà sáng tạo lập luận, giáo hoàng thực sự đã nói, thuyết tiến hóa là nhiều hơn một giả thuyết, không phải thuyết tiến hóa không chỉ là một giả thuyết, *the theory evolution is more than one hypothesis, not the theory of evolution is more than a hypothesis*. Nếu đúng như vậy, Giáo hoàng có thể đã gợi ý rằng có nhiều lý thuyết về sự tiến hóa, và tất cả chúng đều có thể sai.

Sau đó, Cơ quan Tin tức Công giáo của Vatican xác nhận rằng phát biểu của Giáo hoàng thực sự có nghĩa là nhiều hơn là một giả thuyết, chứ không phải nhiều hơn một giả thuyết. *The Pope did indeed mean "more than a hypothesis," not "more than one hypothesis."* Trong bài phát biểu, Giáo hoàng nói rõ rằng Ngài hiểu sự khác biệt giữa sự tiến hóa *evolution* (sự việc có sắc xuất, tính khả năng cao) và *cơ chế tiến hóa, mechanism for evolution*, một vấn đề đang tranh cãi gay gắt giữa các nhà khoa học. Đức Gioan Phaolô nói, "Và, nói thật, thay vì thuyết tiến hóa, chúng ta nên nói về *một số* thuyết tiến hóa." Ngài nhận ra rằng có "những cách giải thích khác nhau nâng cao cho cơ chế tiến hóa" và những "triết lý" khác nhau làm cơ sở cho thuyết tiến hóa. Giáo hoàng đã chỉ ra rằng triết học vượt ra ngoài giới hạn đối với người Công giáo là triết học *duy vật* và phủ nhận khả năng con người "được tạo ra theo hình ảnh và sự giống Chúa". Đức giáo hoàng đề nghị, phẩm giá con người không thể được dung hòa với một triết lý giảm thiểu *une philosophie aussi réductionniste* như vậy. Do đó, cũng như Đức Piô XII, giáo huấn quan trọng của Giáo hội là Thiên Chúa truyền linh hồn vào con người *Dieu infuse les âmes dans l'homme* - bất kể quá trình nào mà Người có thể đã sử dụng để tạo ra cơ thể vật chất của chúng ta. Giáo hoàng nhấn mạnh rằng khoa học không bao giờ có thể xác định được cho chúng ta *thời điểm chuyên tiếp sang tâm linh* — đó là một vấn đề chỉ dành riêng cho huấn quyền *magisterium* của tôn giáo. Như thế, ở đây, Gioan Phaolô đã *đóng cửa* lại cho hiểu biết và cho khoa học, và cho đêns nay, chúng ta vẫn không biết rõ thái độ của Vatican về thời điểm mà Thiên Chúa đã thổi linh hồn vào con người.

Richard Dawkins³ trong một bài luận về thông điệp của Giáo hoàng về sự tiến hóa có tiêu đề *Bạn không thể có cả hai cách*, nhà sinh vật học thích tranh cãi đã cáo buộc Giáo hoàng Gioan Phaolô là người nói đôi co kiểu *casuistical* (sa tương, dựa trên tôn giáo hoặc đức tin) và chủ nghĩa tối nghĩa, *obscurantisme*. Dawkins thách thức các lý thuyết cho rằng tâm trí (linh hồn) con người là một sản phẩm tiến hóa mà Giáo hoàng tuyên bố là bị cấm. Trong bài diễn văn, Đức Giáo hoàng nói: "... nếu giả tử cơ thể con người bắt nguồn từ vật chất sống đã-có-từ-trước, linh

3 Richard Dawkins là tác giả và nhà sinh học tiến hóa người Anh. Ông là thành viên danh dự của Đại học New College, Oxford, và là Giáo sư về Hiểu biết Công cộng về Khoa học tại Đại học Oxford từ 1995 đến 2008. Là một người vô thần, ông nổi tiếng với những lời chỉ trích về thuyết sáng tạo và thiết kế thông minh.

hồn tâm linh ngay lập tức được tạo ra bởi Đức Chúa Trời... Do đó, các lý thuyết về sự tiến hóa... coi tinh thần như xuất hiện từ các lực lượng của vật chất sống, hoặc như một hiện tượng đơn thuần của vật chất đó, không phù hợp với sự thật về con người."

Dawkins diễn giải lại tuyên bố của Giáo hoàng: Nói một cách dễ hiểu, đã có một thời gian trong quá trình tiến hóa loài người, khi Chúa bước vào và tiêm linh hồn con người vào một đồng động vật trước đây. Dawkins thể hiện sự tò mò về thời điểm Chúa nhảy vào bức tranh tiến hóa: Khi nào? Một triệu năm trước? Hai triệu năm trước? Giữa Homo erectus và Homo sapiens? Giữa Homo sapiens cổ xưa và Homo sapiens sapiens? Rõ ràng, Dawkins thấy sự can thiệp của thần thánh là không thể tin được. Ông gợi ý rằng thuyết linh hồn trở thành một phần cần thiết của thần học Công giáo để hỗ trợ sự phân biệt quan trọng giữa *các loài* trong đạo đức Công giáo. Dawkins lưu ý rằng một người Công giáo có thể ăn thịt, nhưng phá thai và an tử *euthanasie* là hành vi giết người vì mạng sống của con người có liên quan khi so với loài khác.

Dawkins lập luận rằng quá trình tiến hóa cho chúng ta biết rằng không có khoảng cách lớn giữa Homo sapiens và phần còn lại của giới động vật. Ngược lại, theo quan điểm của nhà sinh vật học, khẳng định của Giáo hoàng là một sự xâm nhập chống tiến hóa vào lĩnh vực khoa học. Tất nhiên, Giáo Hoàng Gioan Phaolô biết đó là điểm kẹt giữa thần học và khoa học, nên ngài đã rào trước đón sau: thời điểm chuyển tiếp sang tâm linh — đó là một vấn đề chỉ dành riêng cho huấn quyền *magisterium* của tôn giáo. Chẳng cần Dawkins cãi vã.

Ý niệm *huấn quyền* hay *giáo huấn* trong Cơ Đốc giáo, vô hình chung, đem theo ý nghĩ, khi tiến bộ khoa học và thần học có điểm dị biệt, thì Vatican cầu cứu Đức Chúa Trời. Gần đây trong phỏng vấn trên Vọng Belgicatho, giáo sư Dominique Lambert chia sẻ ít nhiều suy nghĩ về con đường tiến hoá, khi nào sinh vật thụ lĩnh tâm linh, để từ vật trở thành người.

Sự tiến hóa dường như tiến triển bằng cách thí thác 試錯 từng bước, *tâtonnements* thử và sai, và hoàn toàn tự chủ; cho thấy có những lỗ hổng hoặc ngõ cụt trong tiến hóa sinh học. Lịch trình tiến hóa ảnh hưởng đến mọi sinh vật, ngay cả vi khuẩn chẳng hạn, chúng cũng tìm cách phát triển hết mức. Làm thế nào để dung hòa giữa thuyết Darwin và niềm tin vào một Thượng đế sáng tạo ra trời đất và con người?

Dominique Lambert : Khi nhớ đến lời dạy của một số Giáo Phụ của Giáo Hội, chúng ta có thể nói rằng Thiên Chúa đã ban cho vũ trụ những tiềm năng để chúng có thể *dần dần dẫn đến* sự sống và con người, như trong quá trình *nảy mầm* chẳng hạn. Đức Chúa Trời đã đặt ra những điều kiện để dần dần một sinh vật tự chủ có thể ra đời, không phải bằng cách tạo ra nó (giống như một cỗ máy) mà bằng cách mở ra một không gian nơi nó có thể thực hiện được sự *tự* hoàn thành, với mức độ co giãn, mức độ tự do, v.v. Một số nhà thần học như tu sĩ Dòng Tên François Euvé đã phân tích ý tưởng “Sáng tạo như một *trò chơi*” trong Kinh thánh. Sáng tạo là sự mở ra các khả năng có thể làm cho quyền tự chủ có thể thực hiện được bằng cách ngăn quá *trình tự khóa trực tiếp vào một con đường duy nhất*.

Tiến hóa là *thời gian của sự kiên nhẫn* của Đức Chúa Trời (cf tác phẩm Abbé Joël Spronck) và đó là không gian được Đức Chúa Trời mở ra để một sinh vật thực sự tự chủ có thể nhìn thấy Ngài. Điều phải được duy trì trong quan điểm của đức tin, một mặt là sự thật rằng Đức Chúa

Trời đã có dự án này để nhìn thấy con người xuất hiện và mặt khác, tiến hoá cũng là để bảo tồn



sự siêu việt của Con người. Đức Chúa Trời *ban cho* bởi ân điển *la grâce*, trên con người, chiều tâm linh duy nhất, linh hồn của mình. Với con người, quá trình tiến hóa thay đổi chế độ: trí thông minh và ý chí của con người có thể cản trở cơ chế chọn lọc tự nhiên (chính Darwin đã nhấn mạnh về điểm này trong cuốn sách về Con người: Nguồn gốc của con người). Sự tiến hóa sau đó cũng trở thành văn hóa, công nghệ và trí tuệ. Con người cũng có khả năng quyết định trong tiến hoá, dành

chỗ cho người bệnh, một nơi dành cho những người dễ bị tổn thương và những người yếu đuối. Đó là đường lối tiến hoá, không dính dáng gì đến số phận hay mệnh. Do đó, không nên nhìn sự tiến hóa qua lăng kính giản lược và hủy diệt của Học thuyết Darwin xã hội. Tiến hóa sinh học là một sự thật không thể chối cãi. Không có gì trong cuộc sống có thể được giải thích nếu không xem xét thuyết tiến hóa!

Nếu Giáo hội từ chối thuyết tiến hoá, tức sẽ thực hiện lại một vụ xịt căng đạn Galileo thứ nhì, và lao vào chủ nghĩa tối nghĩa *obscurantisme* nguy hiểm. Có một cách đọc triết học về dữ liệu của sự tiến hóa để có thể kết hợp hoàn hảo với dữ liệu của đức tin. Như trên đã dẫn, Đức Gioan Phaolô nói, *Và, nói thật, thay vì thuyết tiến hóa, chúng ta nên nói về một số thuyết tiến hóa*. Ngài nhận ra rằng có những cách giải thích khác nhau nâng cao cho cơ chế tiến hóa và những triết lý khác nhau làm cơ sở cho thuyết tiến hóa. Tuy nhiên cho đến nay những giả dụ này vẫn còn ở lĩnh vực lý thuyết, không có *cơ sở chắc chắn*.

Như được thể hiện bởi các nhà tiến hóa Thiên chúa giáo của thế kỷ 19 (P. Dalmace Leroy, vv...) hoặc những người của thế kỷ 20 (Teilhard de Chardin, Henry de Dorlodot, hoặc Abbé Breuil), người ta có thể tin tưởng và tích hợp hoàn hảo thuyết tiến hóa từ quan điểm khoa học. Hơn nữa, đây là điều mà Gioan Phaolô II đã gợi ý trong bài phát biểu trước Giáo hoàng Học viện Khoa học năm 1996. Ngài cũng như Đức Piô XII năm 1950 trong tạp chí Nhân văn Generis tin rằng về cơ thể con người, không có trở ngại thần học nào khi nghĩ rằng đó là kết quả của một quá trình tiến hóa. Điều quan trọng duy nhất cần bảo tồn nếu người ta không muốn làm suy yếu đức tin là duy trì sự tồn tại của một *chiều kích thực sự siêu việt* của Con người được Thiên Chúa *ban tặng* một cách tự do và không thể được quan niệm như là kết quả của một sự *xuất hiện*. Trong truyền thống Công giáo vĩ đại, người ta thừa nhận rằng *ân sủng không loại bỏ tự nhiên nhưng hoàn thiện nó*.

Người ta có thể tưởng tượng rằng Đức Chúa Trời trong sự kiên nhẫn tuyệt vời của Ngài đã *chờ đợi một ngưỡng phức tạp đạt đến*, để trong cùng một chuyển động, trong đó một sinh thể mới về mặt sinh học *được hình thành*, một chiều kích, một bề dày siêu hình siêu việt sẽ được *ban tặng*, làm sinh động sinh vật này trong *độ sâu* mà không loại bỏ bản chất sinh học của nó (*gratia non tollit naturam...*) mà hoàn thiện nó (... *sed perficit*). Nhà sinh vật học sẽ có thể theo dõi sự tiến hóa với các ngưỡng, điểm tới hạn, đột biến, v.v. Họ sẽ có thể lượng tính diễn biến nào. Nhưng họ sẽ không nhìn thấy chiều kích siêu việt này, chỉ thực sự tồn tại đối với người có đức tin, và *không phải là sản phẩm của sự xuất hiện* vì nó là một món quà miễn phí và không qua trung gian, từ Thượng đế - nghĩa là không có trung gian thực nghiệm, và cho đến nay từ việc loại bỏ

những gì đã phát triển bởi quá trình tiến hóa, từ bên dưới, mang lại cho nó một mật độ mới, và sau đó tạo ra những gì thực sự là của riêng con Người, ý nghĩ, nhưng ý nghĩ còn hơn cả tác động của hoạt động tế bào thần kinh; tự do, nhưng còn hơn mức độ tự do trong các xác định định mệnh; ý thức, nhưng còn hơn là sự thể hiện tinh thần của một tình huống⁴, v.v.

Luận điệu và dẫn chứng dài dòng trên đây khắp khênh, chiều sâu trái ngược với quan điểm, kết luận: một sinh thể mới về mặt sinh học *được hình thành*, một chiều kích, một bề dày siêu hình siêu việt sẽ được *ban tặng*, ... nhưng họ sẽ không nhìn thấy chiều kích siêu việt này, nó chỉ thực sự tồn tại đối với người có đức tin, và *không phải là sản phẩm của sự xuất hiện* vì nó là một món quà miễn phí và không qua trung gian từ Thượng đế - nghĩa là không có trung gian thực nghiệm; không đem lại điều gì mới mẻ, lại tự nó đầy mâu thuẫn. Để cho thấy lập trường của Giáo hội vẫn là các phát biểu của Giáo Hoàng Gioan Phaolô cũng như Đức Piô XII, giáo huấn quan trọng của Giáo hội là Thiên Chúa *truyền linh hồn* vào con người *Dieu infuse les âmes dans l'homme* - bất kể quá trình nào mà Người có thể đã sử dụng để tạo ra cơ thể vật chất của chúng ta. Để trực tiếp kết luận: Giáo hoàng nhấn mạnh rằng khoa học không bao giờ có thể xác định được cho chúng ta *thời điểm chuyển tiếp sang tâm linh*.

Cho nên các bàn cãi chỉ đưa đến bí tắc, và trên căn bản không có dung hoà *concordisme*, Darwin cơ thể và tâm linh siêu hình, mà với cơ thể nó chỉ là một, tiến hoá và thần học La mã mỗi bên đi một hướng khác nhau. Người có lý trí *esprit* và linh hồn *âme*. Linh hồn là sinh thể, có một chiều kích, một bề dày siêu hình siêu việt được Đức Chúa Trời *ban tặng*, trong một thời điểm nào đó trên quá trình tiến hóa. Bộ não là nơi ngự trị của linh hồn, hoạt động thông qua các dây thần kinh; cũng như ngực là nơi chứa các bộ phận quan trọng và bụng là nơi chứa các bộ phận tự nhiên.

Não, chỗ ngồi của hoạt động tâm linh và trạng thái ý thức⁵, tập hợp các quan điểm trí tuệ của Người, đạo đức và tình cảm hình thành nên cá tính của họ, nội tâm của họ; trí óc, trí tuệ, trái tim, lương tâm của họ. Linh hồn từ *anima* trong tiếng Latinh, nghĩa hơi thở, là nguyên tắc sống còn và tinh thần, là nguyên lý nội tại *immanent* hoặc siêu việt *transcendent*, tạo nên cơ thể của một sinh vật (người, động vật hoặc thậm chí là thực vật). Theo phép ẩn dụ, từ ngữ linh hồn, hiểu biết một cách chung, thường dùng để chỉ bản thân sinh vật sống, được sinh động hóa bởi nguyên tắc này. Cũng theo khuynh hướng này, linh hồn không nhập thể vào lúc thụ tinh, cũng không phải lúc sinh ra, mà là ở *giữa thai kỳ*. Tuy nhiên giáo lý La mã khi cùng đề cập đến quan niệm của Aristotle và Kinh thánh, giải nghĩa: bào thai nhận được một linh hồn khi nó đã được hình dung, giống như Adam trong Sáng thế ký, người mà linh hồn được truyền vào sau khi cơ thể tạo hình.

Ở sinh vật người, linh hồn là một loại trung gian *médiateur*, giữa tinh thần và thể xác. Tinh thần là phi vật chất, và thể xác là vật chất. Linh hồn cho phép tinh thần được kết nối với cơ thể, để cư trú và sử dụng cơ thể. Tinh thần tuyệt đối *esprit absolu*, vẫn được gọi là Hành động thuần túy hoặc Tất cả, *l'Acte pur ou le Tout*, sở hữu tính phổ quát cụ thể, *l'universalité concrète*. Linh hồn

⁴ *pensée, mais qui est plus qu'un effet de l'activité neuronale : liberté, mais qui est plus qu'un degré de liberté dans les déterminismes ; conscience, mais qui est plus que la représentation mentale d'une situation, etc.*

⁵ <https://books.openedition.org/editions-cnrs/7532?lang=en>

là một hoạt động khắc ghi trong tinh thần. Với tinh thần và linh hồn, ta sẽ không nói về bản chất, mà nói về tiềm năng hiện hữu *pouvoir-être*, về mối quan hệ giữa cái tôi và cái tuyệt đối.

Theo Kinh thánh, linh hồn là nguyên lý sống và nguyên lý tư tưởng của con người. Thuật ngữ linh hồn chỉ sự sống con người nhưng cũng là những gì thân thiết nhất trong con người (Mateo 26,38) và những gì cao cả nhất, sâu sắc nhất trong con người (Mateo 10, 28). Được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, con người vừa là một thể chất vừa là một thực thể thiêng liêng.

Một số truyền thống tâm linh nói rằng, trẻ em là những linh hồn chọn cha mẹ của chúng trước khi nhập thể. Những linh hồn của những đứa trẻ này bị thu hút bởi cặp cha mẹ và lựa chọn theo nghị lực của họ, những rung động của cuộc sống và những gì họ phải điều chỉnh trong cuộc sống này.

Trong quá khứ, hầu hết tất cả các học giả đều là tín đồ, tức người có đức tin. Newton nói: Sự sắp xếp và hài hòa có một không hai của vũ trụ, tất cả điều này chỉ có thể được thực hiện theo kế hoạch của một Đấng vĩnh cửu được ban tặng cho trí tuệ và sức mạnh. Kepler, Copernicus, Linnaeus, Mendel, Volta, Ampère, Marconi, Pasteur và rất nhiều người khác là Cơ đốc nhân... Điều này đã thay đổi rất nhiều trong thế kỷ 20. Darwin, Dirac, Schrödinger hay Niels Bohr, hay Einstein, Hawking... trong số những người khác, là những người vô thần. Có phải khi hầu như tất cả luật vật lý đều có thể cắt nghĩa được bằng khoa học, đã làm họ trở thành vô thần.

Giáo Hoàng Phanxicô chưa thấy lên tiếng. Vấn đề Đức Chúa Trời vs. Tiến hoá không phải là điểm độc nhất mà thần học Giáo hội La mã phải đương đầu với những thuyết và khám phá khoa học trong nửa bán thế kỷ XX.

Trong gần bốn thế kỷ, từ Copernicus đến Freud qua Galileo và Darwin, những khám phá khoa học đã được tích lũy một cách ngoạn mục, tạo ấn tượng rằng dần dà, có thể giải thích các luật Vũ trụ mà không cần nhờ đến thần Tạo hóa. Vào đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa duy vật đã chiếm về mặt trí tuệ. Những khám phá về thuyết tương đối, cơ học lượng tử, sự giãn nở của Vũ trụ, cái chết nhiệt của nó, vụ nổ lớn, sự tự tinh chỉnh *réglage fin* của vũ trụ hay tự tinh chỉnh sự phức tạp của các sinh vật, đã nối tiếp nhau, lỗ đen và năng lượng lỗ đen, ... là những kiến thức tạo động lực làm đổ vỡ những hiểu biết chắc chắn trong quá khứ.

Đầu thế kỷ XX khoa học gia lỗi lạc bằng toán học đã đưa vật lý và vũ trụ học vào lý thuyết tương đối luận thụ hạn và tương đối luận quang nghĩa⁶. Lý thuyết của Einstein làm đảo lộn tất cả những giảng giải có từ trước. Luật trọng lượng từ khi được phát minh được áp dụng đưa đến hầu hết những giải đáp cần thiết cho các định luật vật lý và vũ trụ học. Thuyết tương đối Einstein với khái niệm không-thời-gian từ những phương trình toán học phức tạp áp dụng vào luật trọng lượng khẳng nhận và làm chính xác hơn các tính toán Newton, ví dụ khi tính quỹ đạo các hành tinh.

La Farigoule Sudbury MA

6 thụ hạn tương đối luận & quang nghĩa tương đối luận 受限相對論 廣義相對論 dùng Hán ngữ để viết Relativités restreinte et générale. Thường ta cũng thấy viết: thuyết tương đối hạn chế và thuyết tương đối rộng

Xin xem tiếp Đức Chúa Trời và Darwin Phần II

Phụ Chú

Kinh thư Ki Tô có ba phiên bản Tin Kính:

- Kinh Tin Kính của các Tông Đồ. Một biểu tượng đại kết của đức tin và tóm tắt các niềm tin cơ bản của Kitô giáo.
- Kinh Tin Kính Tín điều Athanasian. Một tuyên bố về niềm tin tập trung vào học thuyết Ba Ngôi và Kitô học.
- Kinh Tin Kính Tín điều Nicea. Một lời tuyên bố của hội thánh đầu tiên chống lại một số dị giáo, đặc biệt là thuyết Arian⁷.

Tín ngưỡng Nicene được chính thức chấp nhận bởi các nhà thờ Công giáo, Chính thống và Tin lành lớn ngày nay. Ngoài Kinh Tin Kính Nicene, Kinh Tin Kính Các Sứ Đồ rất phổ biến, được người Công giáo và hầu hết các giáo phái Tin Lành chính thức chấp nhận. Tín điều Athanasian được coi là một trong bốn tín điều có thẩm quyền của Giáo hội Công giáo La Mã, và một lần nữa, nó nêu rõ những điều cần thiết phải tin để được cứu rỗi.

Kinh Tin Kính Nicene được hình thành trong hai công đồng giáo hội đại kết, công đồng Nicea năm 325 sau Công nguyên và Công đồng Constantinople năm 381 sau Công nguyên. Chúng ta thấy hình thức sớm nhất của Kinh Tin Kính Các Sứ Đồ vào năm 215 sau Công nguyên, được viết bởi Hippolytus thành Rome, một nhà thần học nổi tiếng trong Giáo hội sơ khai. Nó không được viết ra để đọc trong Thánh lễ, nhưng được sử dụng như một phần của nghi thức Rửa tội trong Giáo hội sơ khai. Người được rửa tội đọc toàn bộ Kinh Tin Kính hoặc được hỏi về niềm tin vào Kinh Tin Kính dưới dạng một câu hỏi, như chúng ta thường nghe trong Mùa Phục Sinh.

Kinh Tin Kính của Công đồng Nicea và các Tông đồ được viết vào thời điểm có nhiều tranh luận về thiên tính của Chúa Kitô và sự hiểu biết đúng đắn về Chúa Ba Ngôi. Vì vậy, họ tập trung vào những vấn đề đó. Sự hiện diện thực sự của Chúa Kitô trong Bí tích Thánh Thể không được tranh luận rộng rãi vào thời điểm đó.

Giáo hội, đã chọn ra hai Kinh Tin Kính khác nhau để có thể đọc trong Thánh Lễ: Kinh Tin Kính các Tông Đồ và Kinh Tin Kính Nicea. Hướng dẫn trong Sách Lễ nêu rõ: “Thay vì Kinh Tin Kính Niceno-Constantinopolitan, đặc biệt trong Mùa Chay và Mùa Phục Sinh, có thể sử dụng Biểu

⁷ Thuyết Arian, trong Kitô giáo, quan điểm Kitô học (liên quan đến giáo lý của Chúa Kitô) rằng Chúa Giêsu, với tư cách là Con Thiên Chúa, được Thiên Chúa tạo ra. Nó được đề xuất vào đầu thế kỷ thứ 4 bởi LM Arius ở Alexandria và thậm chí còn phổ biến ở hầu hết các đế chế La Mã phương Đông và phương Tây.

tượng rửa tội của Giáo hội Rôma, được gọi là Kinh Tin Kính của các Tông đồ”. Việc quyết định sử dụng Kinh Tin Kính nào là tùy thuộc vào linh mục và giám mục địa phương.

Kinh Tin Kính Nicene mở rộng hơn Kinh Tin Kính Các Sứ Đồ, nhưng Kinh Tin Kính Sứ Đồ chứa đựng *hai lời khẳng định không có những điều tương đương* trong Kinh Tin Kính Nicene. Đầu tiên là câu nói rằng sau khi Chúa Giê-su chết, ngài xuống địa ngục. Cụm từ này liên quan đến 1 Phi-e-rơ 3:18-19 trong đó nêu rõ:

Vì Đấng Christ đã chết vì tội lỗi một lần đủ cả, là Đấng công bình thay cho kẻ không công bình, để đem chúng ta đến cùng Đức Chúa Trời, Ngài đã chết về phần xác nhưng làm cho sống về phần hồn; trong đó ông đã đi thuyết giảng cho các linh hồn trong ngục tù.

Hai thuật ngữ trong Kinh thánh dịch sang tiếng Anh là địa ngục. Đầu tiên là địa ngục, nơi những người công chính đã chết trước Chúa Kitô đến trong khi họ chờ đợi sự cứu chuộc. Thứ hai là Gehenna, hình phạt cuối cùng dành cho những kẻ bị nguyền rủa. Khi Kinh Tin Kính của Các Sứ Đồ nói rằng Chúa Giê-su xuống địa ngục thì nó ám chỉ cách sử dụng đầu tiên này của địa ngục, không phải Gehenna. Như vậy, để phản hồi, Sách Giáo lý làm rõ ý nghĩa của câu nói này như sau: Chúa Giêsu không xuống địa ngục để giải thoát những người bị nguyền rủa, cũng không để tiêu diệt địa ngục đọa đày, nhưng để giải thoát những người công chính đã đi trước Ngài.

Credo in DEUM PATREM omnipotentem; Creatorem caeli et terrae. Et in JESUM CHRISTUM, Filium ejus unicum, Dominum nostrum; qui conceptus est de Spiritu Sancto, natus ex Maria virgine; passus sub Pontio Pilato, crucifixus, mortuus, et sepultus; descendit ad inferna; tertia die resurrexit a mortuis; ascendit ad caelos; sedet ad dexteram Dei Patris omnipotentis; inde venturus (est) judicare vivos et mortuos. Credo in SPIRITUM SANCTUM; sanctam ecclesiam catholicam; sanctorum communionem; remissionem peccatorum; carnis resurrectionem; vitam aeternam. Amen.

Πιστεύω εἰς ΘΕΟΝ ΠΑΤΕΡΑ, παντοκράτορα, ποιητὴν οὐρανοῦ καὶ γῆς. Καὶ (εἰς) ἸΗΣΟΥΝ ΧΡΙΣΤΟΝ, υἱὸν αὐτοῦ τὸν μονογενῆ, τὸν κύριον ἡμῶν, τὸν συλληφθέντα ἐκ πνεύματος ἁγίου, γεννηθέντα ἐκ Μαρίας τῆς παρθένου, παθόντα ἐπὶ Ποντίου Πιλάτου, σταυρωθέντα, θανόντα, καὶ ταφέντα, κατελθόντα εἰς τὰ κατώτατα, τῇ τρίτῃ ἡμέρᾳ ἀναστάντα ἀπὸ τῶν νεκρῶν, ἀνελθόντα εἰς τοὺς οὐρανοὺς, καθεζόμενον ἐν δεξιᾷ θεοῦ πατρὸς παντοδυνάμου, ἐκείθεν ἐρχόμενον κρῖναι ζῶντας καὶ νεκρούς. Πιστεύω εἰς τὸ ΠΝΕΥΜΑ ΤΟ ἍΓΙΟΝ, ἀγίαν καθολικὴν ἐκκλησίαν, ἁγίων κοινωνίαν, ἄφεσιν ἁμαρτιῶν, σαρκὸς ἀνάστασιν, ξωτὴν αἰώνιον. Ἀμήν.

Kinh Tin Kính Sứ Đồ nguyên bản tiếng Hy Lạp, dịch qua La Tinh: ... *crucifixus, mortuus, et sepultus; descendit ad inferna* ... bị đóng đinh, chết và được chôn cất; xuống địa ngục...

Kinh Tin Kính Nicea lần đầu tiên được công bố vào năm 325 tại Công đồng đại kết đầu tiên của Nicaea để *đáp lại tà giáo Arianism*. Arius, một linh mục nổi tiếng ở Alexandria, đã nêu rõ tà giáo của chủ nghĩa Arian⁸. Ông xem những câu Kinh thánh như Giảng 3:16, nói đến Con Đức Chúa Trời là “được sinh ra” và Cô-lô-se 1:15, nói đến Đấng Christ là “con đầu lòng của loài thọ tạo”,

⁸ <https://en.wikipedia.org/wiki/Arianism>

và kết luận rằng Chúa Giê-su không hoàn toàn là thần thánh. Lập luận của ông diễn ra như thế này:

1. Phẩm chất cơ bản phân biệt Thiên Chúa với sự sáng tạo là tính vĩnh cửu
2. Kinh Thánh miêu tả Chúa Con là *begotten*, con sinh ra và *firstborn* con đầu lòng (*engendré et le premier-né*)
3. Được *begotten* và *born* có nghĩa là tồn tại vào một thời điểm
4. Vì vậy, Đức Chúa Con không phải là Thiên Chúa.

Arius đã nghĩ rằng Chúa Giê-su có nhiều thần tính nhất có thể là đối với một sinh vật, và các sinh vật gần gũi nhất với Chúa cũng vậy. Nhưng nói đúng ra thì về cơ bản Giê-su giống những sinh vật như chúng ta, mà không phải là Chúa. Theo quan điểm của Arius, trước tiên Đức Chúa Trời tạo ra Con và sau đó Con tạo ra phần còn lại của tạo vật.

<p>Πιστεύομεν εἰς ἕνα Θεὸν Πατέρα παντοκράτορα ποιητὴν οὐρανοῦ καὶ γῆς ὁρατῶν τε πάντων καὶ ἀορατῶν· καὶ εἰς ἕνα Κύριον Ἰησοῦν Χριστὸν τὸν υἱὸν τοῦ Θεοῦ τὸν Μονογενῆ, τὸν ἐκ τοῦ Πατρὸς γεννηθέντα πρὸ πάντων τῶν αἰώνων, Φῶς ἐκ Φωτὸς, Θεὸν ἀληθινὸν ἐκ Θεοῦ ἀληθινοῦ, γεννηθέντα οὐ ποιηθέντα, ὁμοούσιον τῷ Πατρὶ, δι' οὗ τὰ πάντα ἐγένετο· τὸν δι' ἡμᾶς τοὺς ἀνθρώπους καὶ διὰ τὴν ἡμετέραν σωτηρίαν κατελθόντα ἐκ τῶν οὐρανῶν, καὶ σαρκωθέντα ἐκ Πνεύματος Ἁγίου καὶ Μαρίας τῆς παρθένου, καὶ ἐνανθρωπήσαντα, σταυρωθέντα τε ὑπὲρ ἡμῶν ἐπὶ Ποντίου Πιλάτου, καὶ παθόντα, καὶ ταφέντα, καὶ ἀναστάντα τῇ τρίτῃ ἡμέρᾳ κατὰ τὰς γραφάς, καὶ ἀνελθόντα εἰς τοὺς οὐρανοὺς, καὶ καθεζόμενον ἐν δεξιᾷ τοῦ Πατρὸς, καὶ πάλιν ἐρχόμενον μετὰ δόξης κρῖναι ζῶντας καὶ νεκρούς, οὗ τῆς βασιλείας οὐκ ἔσται τέλος· καὶ εἰς τὸ Πνεῦμα τὸ Ἅγιον, τὸ Κύριον καὶ Ζωοποιόν, τὸ ἐκ τοῦ Πατρὸς ἐκπορευόμενον, τὸ σὺν Πατρὶ καὶ Υἱῷ συμπροσκυνούμενον καὶ συνδοξαζόμενον, τὸ λαλῆσαν διὰ τῶν προφητῶν· εἰς μίαν ἁγίαν καθολικὴν καὶ ἀποστολικὴν ἐκκλησίαν· ὁμολογοῦμεν ἕν βάπτισμα εἰς ἄφεσιν ἁμαρτιῶν· προσδοκῶμεν ἀνάστασιν νεκρῶν, καὶ ζωὴν τοῦ μέλλοντος αἰῶνος. ἀμήν.</p>	<p>We believe in one God, the Father almighty, maker of heaven and earth, of all things visible and invisible; And in one Lord, Jesus Christ, the only begotten Son of God, begotten from the Father before all ages, light from light, true God from true God, begotten not made, of one substance with the Father, through Whom all things came into existence, Who because of us men and because of our salvation came down from the heavens, and was incarnate from the Holy Spirit and the Virgin Mary and became man, and was crucified for us under Pontius Pilate, and suffered and was buried, and rose again on the third day according to the Scriptures and ascended to heaven, and sits on the right hand of the Father, and will come again with glory to judge living and dead, of Whose kingdom there will be no end; And in the Holy Spirit, the Lord and life-giver, Who proceeds from the Father, Who with the Father and the Son is together worshipped and together glorified, Who spoke through the prophets; in one holy Catholic and apostolic Church. We confess one baptism in the remission of sins; we look forward to the resurrection of the dead and the life of the world to come. Amen</p>	<p>Credimus in unum Deum, Patrem omnipotentem, factorem coeli et terrae, visibilium omnium et invisibilium, et in unum Dominum Jesum Christum, Filium Dei unicum, de Patre natum ante omnia saecula; Deum verum de Deo vero; natum, non factum; ejusdemque substantiae qua Pater est; per quem omnia facta sunt; qui propter nos homines et propter nostram salutem descendit, incarnatus est de Spiritu sancto, in Maria virgine homo factus, crucifixus pro nobis sub Pontio Pilato, sepultus, resurrexit tertia die, ascendit ad coelos, sedet ad dexteram Patris; inde venturus est cum gloria judicare vivos ac mortuos, cujus regni non erit finis. Et in Spiritum sanctum, Dominum ac vivificantem a Patre procedentem, qui cum Patre et Filio adoratur et glorificatur, qui locutus est per Prophetas; in unam catholicam atque apostolicam Ecclesiam. Confitemur unum baptismum in remissionem peccatorum; speramus resurrectionem mortuorum, vitam futuri saeculi. Amen.</p>
--	---	--

Và Kinh Tin Kính Nicea đã long trọng đặt vấn đề:

Et in Spiritum Sanctum, Dominum et vivificantem: qui ex Patre Filioque procedit. Qui cum Patre et Filio simul adoratur et conglorificatur: qui locutus est per prophetas.

Và trong Chúa Thánh Thần, Chúa và Đấng ban sự sống: Đấng phát xuất từ Chúa Cha và Chúa Con. Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Con được tôn thờ và tôn vinh: Đấng đã được nói qua các đấng tiên tri.

Kinh Nicea cũng chống đối Dị giáo⁹ của *thuyết ngộ đạo*. Bối cảnh của cuộc tranh cãi này là sự lên án trước đó của Giáo hội đối với tà giáo Ngộ đạo Nissan. Trong số những điều khác, những người theo thuyết Ngộ đạo tin rằng vũ trụ bao gồm một loạt sự suy thoái của thần thánh. Thần thánh là tinh thần và kiến thức thuần khiết. Ở đầu đối diện của quang phổ là thế giới vật chất, thế giới của chúng ta. Đối với những người theo thuyết Ngộ đạo, việc tạo ra vật chất là sự suy thoái

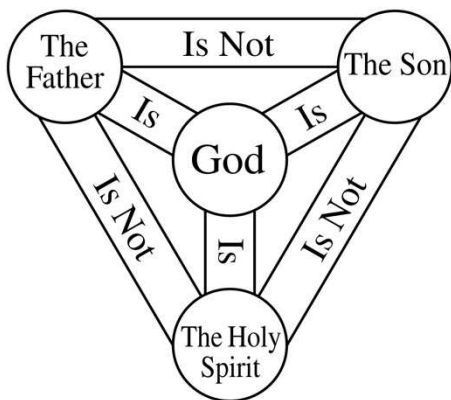
9 <https://en.wikipedia.org/wiki/Gnosticism>

tốt độ của thần tính, là điều ác. Do đó, một trong những vấn đề chính của thuyết Ngộ đạo là nó phủ nhận việc Chúa tạo ra thế giới. Theo đó, họ cũng phủ nhận nhân tính của Chúa Giêsu Kitô, ngay cả khi họ coi Ngài là người có thể dẫn chúng ta trở lại thế giới tâm linh.

Khi Giáo hội chống lại thuyết Ngộ đạo, Giáo hội nhận ra rằng nếu thế giới vật chất không được Thiên Chúa trực tiếp sắp xếp theo sự khôn ngoan hoàn hảo của Ngài thì sẽ có lý do để nghi ngờ sự tốt lành của nó. Chủ nghĩa Arian, khi coi Chúa Giêsu là một dạng suy thoái của Thiên Chúa và thế giới vật chất được tạo ra bởi một sinh vật, đã đặt ra khoảng cách giữa sự khôn ngoan hoàn hảo của Thiên Chúa và việc tạo ra thế giới và do đó đã mở lại cánh cửa cho Thuyết Ngộ đạo.

Chúa Giêsu được sinh ra vĩnh viễn và đồng bản thể với Chúa Cha. Để bác bỏ quan điểm của Arius rằng nếu Chúa Giêsu được sinh ra thì Ngài không thể thiêng liêng ngang hàng với Chúa Cha, Kinh Tin Kính Nicea đã thêm vào một số cụm từ đủ điều kiện. Từ đầu tiên là được sinh ra trước mọi thời đại ohhoặc đôi khi được dịch là được sinh ra đời đời. Bằng cách này, các Giáo phụ Nicene có ý muốn chỉ ra rằng việc Chúa Con được sinh ra không phải là một sự kiện theo thời gian, mà là mối quan hệ vĩnh cửu của Chúa Con với Chúa Cha. Ở đây, Chúa Con vĩnh viễn có bản chất thiêng liêng từ Chúa Cha và do đó là Thiên Chúa từ Thiên Chúa, Ánh sáng từ Ánh sáng, Thiên Chúa thật từ Thiên Chúa thật.

Một cách khác mà Kinh Tin Kính Nicea mở rộng Kinh Tin Kính Các Sứ Đồ là việc tuyên xưng niềm tin vào Chúa Thánh Thần. Bản Kinh Tin Kính gốc của Nicaea kết thúc bằng câu Tôi tin vào



Chúa Thánh Thần. Bởi vì chủ nghĩa Arian xuất hiện gần như ngay lập tức sau Công đồng Nicaea, nên Công đồng Constantinople đã diễn ra vào năm 381. Công đồng này vừa tái khẳng định Kinh Tin Kính của Nicaea vừa mở rộng nó để giải quyết những sự phủ nhận thần tính của Chúa Thánh Thần: *Et in Spiritum Sanctum, Dominum et vivificantem*

Trên phương diện thần học, Kinh Tin Kính Nicea nhấn mạnh đến thần tính trọn vẹn của Đấng Christ và các mối quan hệ phức tạp trong Ba Ngôi, giải quyết những tranh cãi thần học cụ thể đã hình thành nên công thức của Ba

Ngôi, *Tam Thánh Thể*. Ngược lại, Bài Tín Điều Các Sứ Đồ nhấn mạnh niềm tin nền tảng liên quan đến danh tính và công tác cứu chuộc của Chúa Giê-su Ky Tô, phản ánh sự nhấn mạnh thần học hợp lý hơn.

Nhà thờ Chính thống Đông phương chấp nhận Tín điều Nicene, nhưng không sử dụng Tín điều của các Tông đồ hoặc Tín điều Athanasian.

Kinh Tin Kính Tín điều Athanasian: Kitô học của phần thứ hai chi tiết hơn Kitô học của Kinh Tin Kính Nicene và phản ánh lời giảng dạy của Công đồng Êphêsô thứ nhất (431) và định nghĩa của Công đồng Chalcedon (451). Kinh Tin Kính Athanasian sử dụng thuật ngữ substantia (bản dịch tiếng Latinh của Nicene homoousios: cùng một bản thể hoặc đồng bản thể) để nói đến mối quan hệ giữa Chúa Con với Chúa Cha theo bản chất thiêng liêng của Ngài, nhưng kinh cũng nói rằng *Chúa Con là bản thể của mẹ Ngài là Đức Maria theo bản chất con người của Ngài*.

Do đó, cách diễn đạt của Kinh Tin Kính không chỉ loại trừ chủ nghĩa Sabellian và chủ nghĩa Arian mà còn cả các lạc giáo Kitô học của chủ nghĩa Nestorianism và chủ nghĩa Eutychian. Nhu cầu phải có một lời nhận định rõ ràng chống lại thuyết Arian đã nảy sinh ở Tây Âu khi người Ostrogoth và Visigoth, những người có niềm tin vào Arian, xâm lược vào đầu thế kỷ thứ 5. Phần cuối cùng của Kinh Tin Kính này cũng vượt ra ngoài Kinh Tin Kính Nicene (và của các Sứ đồ) khi đưa ra những tuyên bố tiêu cực về số phận của con người: *Ai đã làm điều tốt sẽ được sống đời đời; còn ai đã làm điều ác sẽ vào lửa đời đời*. Bản kinh Anathasian dài hơn nhiều so với hai kinh kia.

Quicumque vult salvus esse, ante omnia opus est, ut teneat Catholicam fidem: Quam nisi quisque integram inviolatamque servaverit, absque dubio in aeternum peribit. Fides autem Catholica haec est: ut unum Deum in Trinitate, et Trinitatem in unitate veneremur. Neque confundentes personas, neque substantiam separantes. Alia est enim persona Patris alia Filii, alia Spiritus Sancti: Sed Patris, et Filii, et Spiritus Sancti una est divinitas, aequalis gloria, coaeterna maiestas. Qualls Pater, talis Filius, talis [et] Spiritus Sanctus. Incautus Pater, increatus Filius, increatus [et] Spiritus Sanctus. Immensus Pater, immensus Filius, immensus [et] Spiritus Sanctus. Aeternus Pater, aeternus Filius, aeternus [et] Spiritus Sanctus. Et tamen non tres aeterni, sed unus aeternus. Sicut non tres increati, nec tres immensi, sed unus increatus, et unus immensus. Similiter omnipotens Pater, omnipotens Filius, omnipotens [et] Spiritus Sanctus. Et tamen non tres omnipotentes, sed unus omnipotens. Ita Deus Pater, Deus Filius, Deus [et] Spiritus Sanctus. Et tamen non tres dii, sed unus est Deus. Ita Dominus Pater, Dominus Filius, Dominus [et] Spiritus Sanctus. Et tamen non tres Domini, sed unus [est] Dominus. Quia, sicut singillatim unamquamque personam Deum ac Dominum confiteri christiana veritate compellimur: Ita tres Deos aut [tres] Dominos dicere Catholica religio prohibemur. Pater a nullo est factus: nec creatus, nec genitus. Filius a Patre solo est: non factus, nec creatus, sed genitus. Spiritus Sanctus a Patre et Filio: non factus, nec creatus, nec genitus, sed procedens. Unus ergo Pater, non tres Patres: unus Filius, non tres Filii: unus Spiritus Sanctus, non tres Spiritus Sancti. Et in hac Trinitate nihil prius aut posterius, nihil maius aut minus: Sed totae tres personae coaeternae sibi sunt et coaequales. Ita, ut per omnia, sicut iam supra dictum est, et unitas in Trinitate, et Trinitas in unitate veneranda sit. Qui vult ergo salvus esse, ita de Trinitate sentiat.

Sed necessarium est ad aeternam salutem, ut incarnationem quoque Domini nostri Iesu Christi fideliter credat. Est ergo fides recta ut credamus et confiteamur, quia Dominus noster Iesus Christus, Dei Filius, Deus [pariter] et homo est. Deus [est] ex substantia Patris ante saecula genitus: et homo est ex substantia matris in saeculo natus. Perfectus Deus, perfectus homo: ex anima rationali et humana carne subsistens. Aequalis Patri secundum divinitatem: minor Patre secundum humanitatem. Qui licet Deus sit et homo, non duo tamen, sed unus est Christus. Unus autem non conversione divinitatis in carnem, sed assumptione humanitatis in Deum. Unus omnino, non confusione substantiae, sed unitate personae. Nam sicut anima rationalis et caro unus est homo: ita Deus et homo unus est Christus. Qui passus est pro salute nostra: descendit ad inferos: tertia die resurrexit a mortuis. Ascendit ad [in] caelos, sedet ad dexteram [Dei] Patris [omnipotentis]. Inde venturus [est] iudicare vivos et mortuos. Ad cuius adventum omnes homines resurgere habent cum corporibus suis: Et redditur sunt de factis propriis rationem. Et qui bona egerunt, ibunt in vitam aeternam: qui vero mala, in ignem aeternum. Haec est fides Catholica, quam nisi quisque fideliter firmiterque crediderit, salvus esse non poterit.

Whosoever will be saved, before all things it is necessary that he hold the Catholic faith. Which faith unless every one do keep whole and undefiled, without doubt he shall perish everlastingly. And the Catholic faith is this: that we worship one God in Trinity, and Trinity in Unity; neither confounding the Persons, nor dividing the Essence. For there is one Person of the Father; another of the Son; and another of the Holy Ghost. But the Godhead of the Father, of the Son, and of the Holy Ghost, is all one; the Glory equal, the Majesty coeternal. Such as the Father is; such is the Son; and such is the Holy Ghost. The Father uncreated; the Son uncreated; and the Holy Ghost uncreated. The Father infinite; the Son infinite; and the Holy Ghost infinite. The Father eternal; the Son eternal; and the Holy Ghost eternal. And yet they are not three eternals; but one eternal. As also there are not three uncreated; nor three infinities, but one uncreated; and one infinite. So likewise the Father is Almighty; the Son Almighty; and the Holy Ghost Almighty. And yet they are not three Almighties; but one Almighty. So the Father is God; the Son is God; and the Holy Ghost is God. And yet they are not three Gods; but one God. So likewise the Father is Lord; the Son Lord; and the Holy Ghost Lord. And yet not three Lords; but one Lord. For like as we are compelled by the Christian verity; to acknowledge every Person by himself to be God and Lord: So are we forbidden by the Catholic religion; to say, There are three Gods, or three Lords. The Father is made of none; neither created, nor begotten. The Son is of the Father alone; not made, nor created; but begotten. The Holy Ghost is of the Father and of the Son; neither made, nor created, nor begotten; but proceeding. So there is one Father; not three Fathers; one Son, not three Sons; one Holy Ghost, not three Holy Ghosts. And in this Trinity none is before, or after another; none is greater, or less than another. But the whole three Persons are coeternal, and coequal. So that in all things, as aforesaid; the Unity in Trinity, and the Trinity in Unity, is to be worshipped. He therefore that will be saved, let him thus think of the Trinity.

Furthermore, it is necessary to everlasting salvation; that he also believe faithfully the Incarnation of our Lord Jesus Christ. For the right Faith is, that we believe and confess; that our Lord Jesus Christ, the Son of God, is God and Man; God, of the Substance [Essence] of the Father; begotten before the world; and Man, of the Substance [Essence] of his mother, born in the world. Perfect God; and perfect Man; of a reasonable soul and human flesh subsisting. Equal to the Father, as touching his Godhead; and inferior to the Father as touching his Manhood. Who although he is God and Man; yet he is not two, but one Christ. One; not by conversion of the Godhead into flesh; but by assumption of the Manhood into God. One altogether; not by confusion of Substance [Essence]; but by unity of Person. For as the reasonable soul and flesh is one man; so God and Man is one Christ; Who suffered for our salvation; descended into hell; rose again the third day from the dead. He ascended into heaven, he sitteth on the right hand of God the Father Almighty, from whence he will come to judge the living and the dead. At whose coming all men will rise again with their bodies; And shall give account for their own works. And they that have done good shall go into life everlasting; and they that have done evil, into everlasting fire. This is the Catholic faith; which except a man believe truly and firmly, he cannot be saved.

TỔNG QUAN VỀ NỘI DUNG CỦA BA TÍN GIÁO¹⁰

Kinh Tin Kính của các Tông Đồ tóm tắt ngắn gọn niềm tin cốt lõi vào Thiên Chúa Cha, Thiên Chúa Con và Thiên Chúa Thánh Thần, là niềm tin cần thiết cho sự cứu rỗi: Thiên Chúa Cha là Đấng tạo dựng nên mọi sự trên trời và dưới đất. Đức Chúa Con được Đức Thánh Linh hoài thai, nhập thể trong xác thịt loài người, chịu đóng đinh, chết, sống lại và thăng thiên cùng Đức Chúa Cha, và sẽ trở lại làm thẩm phán. Đức Thánh Linh, qua Ngài, chúng ta được trở thành thành viên của giáo hội hoàn vũ, giúp chúng ta biết được sự tha tội và sự sống đời đời.

Kinh Tin Kính Nicea chứa đựng cùng một công thức tin tưởng Ba Ngôi vào một Thiên Chúa duy nhất, là Cha và là Đấng tạo dựng nên mọi người; Người Con duy nhất và vĩnh viễn có cùng bản thể với Chúa Cha; và Đức Thánh Linh ban sự sống. Tín điều này mở rộng những niềm tin cốt lõi, để nói về toàn bộ sự sáng tạo như của Chúa Cha, bản chất và sự tồn tại của Chúa Con giống như Chúa Cha, rước kiệu của Chúa Thánh Thần, từ Chúa Cha và Chúa Con (mệnh đề *Filioque*). Ngoài ra, tiếp nối Công đồng Nicea lịch sử, đây là lời khẳng định đầy tin tưởng về Giáo hội

10 <https://www.churchsociety.org/resource/article-8-of-the-three-creeds/>

thánh thiện, công giáo (phổ quát) và tông truyền, trong đó phép rửa là điều cần thiết để được tha thứ và trở thành thành viên thực sự.

Kinh Tin Kính Athanasian bắt đầu rất khác: “bất cứ ai muốn được cứu... phải giữ đức tin công giáo....(đó là) điều này...”Ba ngôi “như Chúa Cha, như Chúa Con, như Chúa Thánh Thần...” nhấn mạnh sự bình đẳng và thần tính của cả Ba Ngôi. Hơn nữa, trong khi chúng ta tuyên xưng đức tin vào mỗi ngôi vị trong Chúa Ba Ngôi, *chúng ta không thể suy luận rằng có ba Thiên Chúa.* Chúng ta cũng không nên cho rằng bằng cách nhấn mạnh đến thần tính đồng đẳng của cả ba ngôi vị, là chúng ta phủ nhận sự nhập thể và nhân tính của Chúa chúng ta là Chúa Giêsu Kitô.

Ba Kinh Tín Điều trên sung mãn và bổ túc trên cơ bản. Kinh Tin Kính Nicea xuất hiện từ Công đồng Nicaea đầu tiên vào năm 325 sau Công nguyên, được triệu tập để giải quyết những tranh cãi thần học xung quanh bản chất của Chúa Ba Ngôi và thần tính của Chúa Kitô. Ngược lại, Kinh Tin kính của các Sứ đồ được cho là có nguồn gốc từ nhà thờ Cơ đốc giáo sơ khai, có thể sớm nhất là vào thế kỷ thứ 2, và gắn liền với những lời dạy nền tảng của các sứ đồ.